

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2022

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP LẦN 1 HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

Ngành/Nghề: **Quan hệ công chúng**
Trình độ: **Cao đẳng**

Lớp: **20CDPR**
Hình thức: **Chính quy**

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Pháp luật	Công chúng báo chí	Giáo dục thể chất	Quan hệ báo chí	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Lịch sử báo chí	Tổ chức sự kiện	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kỹ năng viết tin, bài PR	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
			Số tín chỉ		3	2	2	0	2	3	0	2	2	2	2	2	2					
			Thứ tự môn học/mô-đun		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)					
1	2010070001	20CDPR	Huỳnh Thị Tố Anh	26/8/2001	C 6.4	B 7.8	B 7.4				C 6.0	D 4.2				C 6.8	B 8.1	2.31 6.75	13		Trung bình	BT
2	2010070002	20CDPR	Nguyễn Thị Phương Anh	17/8/2002	F 3.6	B 7.2	C 6.5				C 5.8	F 2.4				F 1.9	F 0.0	0.77 3.60	13	9	kém	CB
3	2010070003	20CDPR	Phạm Thị Mai Anh	02/02/2001														0.00 0.00	0		kém	TH
4	2010070004	20CDPR	Vũ Thị Minh Anh	26/02/2002	B 7.4	B 7.8	B 8.3		A 8.5	A 8.9	B 7.6	B 8.0				A 8.9	B 8.3	3.39 8.25	18		Giỏi	BT
5	2010070005	20CDPR	Hồ Hằng Chi	12/6/2002	C 5.7	B 7.4	B 7.6				B 7.3	B 7.1				B 8.3	B 7.9	2.77 7.21	13		Khá	BT
6	2010070006	20CDPR	Nguyễn Quang Dũng	13/11/2002	F 2.4	C 6.6	C 6.5		B 7.2		C 6.6					F 3.6	B 7.2	1.54 5.34	13	5	Yếu	BT
7	2010070007	20CDPR	Nguyễn Ngọc Hân	17/4/2001	C 5.7	B 7.2	C 6.3				C 6.9	C 6.7				C 5.9	C 6.9	2.15 6.39	13		Trung bình	BT
8	2010070008	20CDPR	Đoàn Thị Thu Hằng	19/4/2002	C 6.0	B 7.4	B 8.3				C 6.1	B 8.0				A 8.7	B 7.9	2.92 7.58	13		Khá	BT
9	2010070009	20CDPR	Huỳnh Thị Cẩm Hằng	27/12/2002	B 7.2	C 6.8	B 7.2				C 6.8	B 8.0				B 8.2	B 7.6	2.85 7.48	13		Khá	BT

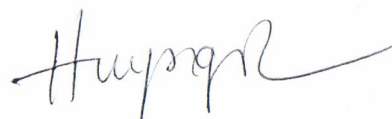
TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Pháp luật	Công chúng báo chí	Giáo dục thể chất	Quan hệ báo chí	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Lịch sử báo chí	Tổ chức sự kiện	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kỹ năng viết tin, bài PR	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
10	2010070010	20CDPR	Châu Thanh Hiền	20/10/2002	F 2.5	F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0		F 2.4				F 3.6	F 0.0	0.00 1.08	18	18	kém	TH
11	2010070011	20CDPR	Lê Thị Thanh Hoà	18/12/2001	D 4.9	B 7.8	A 8.6				B 7.1	B 7.5				C 6.7	B 7.9	2.54 7.05	13		Khá	BT
12	2010070012	20CDPR	Nguyễn Hoàng Linh Hương	02/9/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
13	2010070013	20CDPR	Trần Thị Mỹ Huyền	07/9/2001	C 6.1	F 0.0	C 6.4				B 7.0	D 5.4				B 7.2	B 8.0	1.85 5.56	13	2	Yếu	BT
14	2010070014	20CDPR	Nguyễn Văn Khải	24/02/2000	B 8.0	B 7.0	B 7.8		B 7.7	B 8.4	C 6.5	B 7.5				A 9.0	B 7.5	3.11 7.90	18		Khá	BT
15	2010070015	20CDPR	Thượng Hoàng Khang	15/10/2001	F 3.7	B 7.0	C 6.8		B 7.0	C 6.3	C 5.6	C 6.6				D 4.8	B 7.3	1.89 6.06	18	3	Yếu	BT
16	2010070016	20CDPR	Bùi Thị Kim Liên	30/01/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
17	2010070017	20CDPR	Nguyễn Bùi Trúc Linh	17/11/1996	C 5.7	B 7.0	F 0.0		B 7.0	F 0.0		C 6.8					A 8.8	1.88 4.77	16	5	Yếu	BT
18	2010070018	20CDPR	Nguyễn Hoàng Lụa	06/6/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
19	2010070019	20CDPR	Nguyễn Kim Ngân	06/02/2002	B 7.6	B 7.0	B 7.4				D 5.3	C 6.9				C 6.7	B 7.6	2.69 7.23	13		Khá	BT
20	2010070020	20CDPR	Vũ Ngọc Thanh Ngân	24/12/2000	D 4.8	C 5.6	B 7.7		B 7.1	B 7.5	B 7.1	C 6.9				B 7.8	B 7.4	2.44 6.77	18		Trung bình	BT
21	2010070021	20CDPR	Phan Thảo Nghi	19/7/2000			F 0.0		F 0.0	F 0.0							F 0.0	0.00 0.00	9	9	kém	TH
22	2010070022	20CDPR	Đinh Thị Kim Ngọc	05/7/1999							C 6.4	C 6.8					C 5.5	2.00 6.15	4		Trung bình	BT
23	2010070023	20CDPR	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	28/9/1999	D 5.2	B 7.2	C 6.9				C 6.3	C 6.4					B 7.1	2.09 6.44	11		Trung bình	BT
24	2010070024	20CDPR	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	12/11/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
25	2010070025	20CDPR	Đặng Thị Thảo Oanh	17/02/2001	C 5.8	C 5.6	B 7.7		B 7.0	B 7.8	C 6.3	C 6.3				A 8.5	A 8.8	2.83 7.14	18		Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Pháp luật	Công chúng báo chí	Giáo dục thể chất	Quan hệ báo chí	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Lịch sử báo chí	Tổ chức sự kiện	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kỹ năng viết tin, bài PR	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
26	2010070026	20CDPR	Nguyễn Ngọc Phụng	12/4/1999	B 7.6		B 8.4							B 8.0	A 9.0	B 7.7	B 7.8	3.15 8.05	13		Khá	BT
27	2010070027	20CDPR	Nguyễn Thị Ngọc Phương	21/4/2001	C 6.3	B 7.4	A 8.5		B 7.2	C 6.4	C 5.9	B 7.5				B 7.3	B 7.6	2.78 7.17	18		Khá	BT
28	2010070028	20CDPR	Hồ Trúc Quyên	07/11/2002	B 8.3	C 6.8	B 8.3		B 7.4	A 8.6	C 6.8	B 7.4				B 7.0	B 8.0	3.06 7.81	18		Khá	BT
29	2010070029	20CDPR	Nguyễn Thị Thảo Quyên	03/10/2002	C 6.9	C 6.6	B 8.1				B 7.9	B 7.1				C 6.5	B 7.7	2.46 7.13	13		Trung bình	BT
30	2010070030	20CDPR	Nguyễn Thị Ánh Sương	12/12/2000									A 8.6	F 0.0	D 5.0	C 6.4		1.75 5.00	8	2	Yếu	BT
31	2010070031	20CDPR	Đỗ Song Tấn Tài	21/6/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
32	2010070032	20CDPR	Lộc Bá Thành	19/12/1999														0.00 0.00	0		kém	TH
33	2010070033	20CDPR	Nguyễn Thị Thu Thảo	29/4/2000	C 6.1	B 7.0	B 7.5				C 6.4	C 6.4					B 7.1	2.55 6.75	11		Khá	BT
34	2010070034	20CDPR	Phan Ngọc Thanh Thảo	27/02/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
35	2010070035	20CDPR	Nguyễn Ngọc Hiền Thư	16/01/2000	F 2.8	F 2.4	B 8.0		F 3.3	F 0.0	C 6.9	F 2.7				F 3.1	F 0.0	0.33 2.63	18	16	kém	CB
36	2010070036	20CDPR	Trần Vương Bá Thuật	16/5/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
37	2010070037	20CDPR	Nguyễn Thị Hiền Thực	14/5/2002	F 0.0	F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0		F 2.4				F 3.6	F 0.0	0.00 0.67	18	18	kém	TH
38	2010070038	20CDPR	Trần Song Trang	04/8/2002	B 8.0	C 6.4	B 8.4		B 8.0	B 8.3	B 7.8	C 6.8				B 8.3	A 8.7	2.89 7.89	18		Khá	BT
39	2010070039	20CDPR	Phạm Cao Uyên Trúc	06/9/2002	C 5.7	C 6.8	B 7.8		F 3.5	F 0.0	C 6.5	C 6.3				C 6.1	B 7.6	1.67 5.18	18	5	Yếu	BT
40	2010070040	20CDPR	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/01/2000	B 8.0	B 7.2	B 8.0	B 8.3	B 7.4	A 8.9	C 6.9	B 7.4				B 7.7	B 7.2	3.17 7.81	18		Khá	BT
41	2010070041	20CDPR	Huỳnh Thị Thu Vân	14/11/2002	F 0.9	F 3.0	B 8.2		F 3.5	F 0.0	C 6.0	F 2.9				F 2.9	F 0.0	0.33 2.43	18	16	kém	CB

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Pháp luật	Công chúng báo chí	Giáo dục thể chất	Quan hệ báo chí	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Lịch sử báo chí	Tổ chức sự kiện	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kỹ năng viết tin, bài PR	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
42	2010070042	20CDPR	Trần Thị Bảo Vi	01/5/2000	B 8.0	B 7.4	B 7.7		B 7.2	B 8.0	C 6.5	B 7.7				C 6.5	B 7.6	2.89 7.57	18		Khá	BT
43	2010070043	20CDPR	Vương Minh Vương	25/9/1999	B 7.5	C 6.8	B 7.2	B 8.3	B 7.0	F 2.5	C 6.7	F 0.0				C 5.6	B 7.2	1.94 5.42	18	5	Yếu	BT
44	2010070044	20CDPR	Bùi Thị Yến Vy	19/6/1999														0.00 0.00	0		kém	TH
45	2010070045	20CDPR	Đào Nguyên Thanh Xuân	12/9/1999			B 7.6		B 7.5	B 8.2		B 7.1				B 8.3	B 8.2	3.00 7.85	13		Khá	BT
46	2010070046	20CDPR	Nguyễn Thị Xuân Hương	08/9/2000														0.00 0.00	0		kém	TH
47	2010070047	20CDPR	Mai Gia Huy	01/7/2001	C 5.7	C 6.2	B 7.0		B 7.0	F 0.0	D 5.3	C 5.7				C 6.1	C 6.5	1.89 5.23	18	3	Yếu	BT
48	2010070048	20CDPR	Hồ Văn Kỳ	16/11/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
49	2010070049	20CDPR	Lê Trịnh Thanh Hà	30/11/2000	F 0.2	F 3.0	B 7.5		F 0.9	F 0.0	C 6.4	C 5.6				C 6.1	F 0.0	0.78 2.60	18	12	kém	CB
50	2010070050	20CDPR	Lê Vũ Ngọc Hân	29/6/2002	B 7.9	B 7.2	B 7.6		B 8.0	C 6.8	C 6.7	C 6.1				B 8.3	B 7.9	2.72 7.46	18		Khá	BT
51	2010070051	20CDPR	Võ Kim Hân	20/12/2002														0.00 0.00	0		kém	TH
52	2010070052	20CDPR	Bùi Thị Ngọc Hiếu	27/8/2002	D 5.3	C 6.6	B 7.9		B 7.4		B 7.0	C 6.8				B 7.7	B 7.6	2.33 6.93	15		Trung bình	BT
53	2010070053	20CDPR	Nguyễn Huỳnh Nhi	10/11/2002	B 8.0	B 8.0	B 7.8		B 7.7	B 8.2	B 7.2	B 7.7				B 8.3	B 7.9	3.00 7.97	18		Khá	BT
54	2010070054	20CDPR	Trần Ngọc Nhi	13/02/2002	B 7.2	D 5.4	A 8.5				C 6.9	C 6.3				B 7.9	B 7.6	2.69 7.15	13		Khá	BT
55	2010070055	20CDPR	Vũ Hoàng Yến Như	24/11/1999		F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0		F 2.4					F 0.0	0.00 0.37	13	13	kém	TH
56	2010070056	20CDPR	Đới Thị Ngọc Quỳnh	23/11/2000	B 8.0	B 7.6	F 0.0		B 7.4	B 7.7	C 6.7	C 6.8				C 5.8	B 7.7	2.44 6.54	18	2	Trung bình	BT
57	2010070057	20CDPR	Trần Nguyễn Băng Tâm	25/5/2002	F 3.6	B 7.0	B 7.7		B 7.4	B 7.9	C 6.4	B 7.4				B 7.0	B 7.6	2.50 6.82	18	3	Khá	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Anh văn - 2	Pháp luật	Công chứng báo chí	Giáo dục thể chất	Quan hệ báo chí	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Lịch sử báo chí	Tổ chức sự kiện	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kỹ năng viết tin, bài PR	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
58	2010070058	20CDPR	Nguyễn Thị Huyền Trân	26/01/2002	F 3.3	C 6.6	C 6.1		B 7.1	B 7.1	C 6.3	C 6.3				C 6.1	B 7.2	2.06 6.11	18	3	Trung bình	BT
59	2010070059	20CDPR	Huỳnh Bảo Trinh	02/8/2002	F 0.0	F 2.0	B 7.7				C 6.1	C 6.8				C 6.4	B 7.4	1.54 4.66	13	5	Yếu	BT
60	2010070060	20CDPR	Đỗ Hoài Anh Vy	03/01/2002	B 7.7	B 7.6	B 8.0		C 6.7	B 8.4	C 6.4	B 7.4				B 8.2	B 7.7	2.89 7.75	18		Khá	BT
61	2010070061	20CDPR	Lê Nguyễn Hồng Phúc	22/3/2002	F 0.0	F 0.0	F 0.0		F 0.0	F 0.0		F 0.0				F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	18	18	kém	TH
62	2010070062	20CDPR	Phan Thị Mỹ Tâm	10/12/2002	C 6.3	C 6.8	B 8.0				C 6.1	C 6.8				C 6.1	B 7.1	2.31 6.81	13		Trung bình	BT
63	2010070063	20CDPR	Lê Hoàng Yến	08/10/2002	F 0.0	B 7.2	B 7.4		B 7.1	F 0.0		F 0.0				F 0.0	B 8.0	1.33 3.30	18	10	Yếu	BT
64	2010070064	20CDPR	Phạm Tăng Gia Trang	28/01/2000	C 5.9	B 7.1	B 8.1		F 2.8		C 6.5	C 6.0				B 7.8	B 7.6	2.27 6.43	15	2	Trung bình	BT

Người lập



Huỳnh Ngọc Sáng

Trưởng phòng QL Đào tạo



Nguyễn Thị Diễm Phương

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng



Cao Văn Trục